**PHỤ LỤC SỐ 02**

# BIỂU PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NÂNG CAO CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG CẤP TỈNH NĂM 2024 VÀ NĂM 2025

*(Kèm theo Kế hoạch số: 150/KH-UBND ngày 12/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | | Đơn vị phối hợp thực hiện | Thời gian thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|
| **1** | **Tăng cường sự tham gia của người dân ở cơ sở đối với các hoạt động tại cộng đồng** | | | | |
| | 1.1. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về những quy định mới của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 và các nội dung, vấn đề mà người dân có quyền được biết, được bàn, được tham gia thực hiện hoặc kiểm tra, giám sát việc thực hiện; trách nhiệm của chính quyền, cán bộ, công chức cấp xã, thôn, tổ nhân dân; tổ chức, cá nhân có liên quan và của nhân dân trong thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. | Các cơ quan, đơn vị;<br>Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Thường xuyên, khi có quy định mới của Đảng và Nhà nước liên quan trực tiếp tới người dân |
| | 1.2. Triển khai thực hiện nghiêm túc theo quy định và tạo điều kiện thuận lợi để người dân được tham gia bàn bạc, đóng góp ý kiến, kiểm tra, giám sát các nội dung thuộc quyền của người dân theo Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và các quy định khác của tỉnh, huyện, xã; trong đó, chú trọng đối với những khoản đóng góp (xã hội từ thiện, xây dựng, sửa chữa công trình công cộng, xây dựng nông thôn mới,...), đảm bảo nguyên tắc dân chủ, do người dân quyết định thực hiện và quyết định mức đóng góp; có giám sát của Ban Giám sát đầu tư cộng đồng hoặc Ban Thanh tra Nhân dân. | Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;<br>Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Thường xuyên |
| | 1.3. Tổ chức thực hiện tốt, đúng quy định của pháp luật công tác bầu cử các chức danh lãnh đạo, người đại diện của tổ chức ở Ủy ban nhân dân cấp xã, thôn, tổ nhân dân. Huy động sự tham gia của người dân vào quá trình xây dựng quy hoạch, sử dụng đất công và giám sát việc thực hiện các dự án công trình | Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;<br>Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Thường xuyên |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | | Đơn vị phối hợp thực hiện | Thời gian thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|
| | công cộng ở địa phương.<br><br>1.4. Tăng cường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện; xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm quy chế dân chủ ở cơ sở. | | | | |
| **2** | **Thực hiện tốt việc công khai, minh bạch trong việc ra quyết định ở địa phương** | | | | |
| | 2.1. Công khai hộ nghèo và chính sách xã hội cho người nghèo | | | | |
| | a) Thực hiện điều tra, rà soát, bình xét và công nhận đối tượng hộ nghèo hằng năm theo đúng quy định; đảm bảo đúng đối tượng, trình tự, thủ tục, cách thức thực hiện. | Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;<br>Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Hằng năm |
| | b) Công khai đầy đủ, kịp thời danh sách hộ nghèo tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nhà văn hóa thôn, tổ nhân dân… đảm bảo quy định về thời gian công khai, nội dung công khai, địa điểm công khai. Tiếp thu ý kiến đóng góp, kiến nghị, phát giác, vướng mắc của người dân; thực hiện giải đáp, xử lý, điều chỉnh kịp thời, đúng quy định những ý kiến của người dân; hoặc kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét đối với nội dung liên quan hộ nghèo và chính sách xã hội cho người nghèo. | Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;<br>Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Thường xuyên |
| | c) Thanh tra, kiểm tra; xử lý nghiêm minh, kịp thời những trường hợp thực hiện không đúng các quy định về hộ nghèo, chính sách hộ nghèo. | Thanh tra tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố. | | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Định kỳ, đột xuất |
| | 2.2. Công khai ngân sách cấp xã và các khoản thu khác ở khu dân cư.<br>a) Thực hiện đúng, đủ quy định về công khai, minh bạch thu chi ngân sách cấp xã. Bảo đảm việc niêm yết công khai danh mục thu, chi cụ thể để nhân dân được biết và giám sát; | Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Thường xuyên |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | | Đơn vị phối hợp thực hiện | Thời gian thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|
| | việc công khai phải cụ thể, chi tiết, hình thức công khai phải phù hợp, thuận tiện để người dân có thể tiếp cận và giám sát.<br><br>b) Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã, các đoàn thể quần chúng, cán bộ, công chức và nhân dân; kịp thời ngăn chặn những dấu hiệu tiêu cực, xử lý theo đúng quy định của pháp luật đối với những trường hợp vi phạm các quy định về quản lý tài chính, tài sản công. | | | | |
| | c) Tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý, nghiệp vụ tài chính ở cấp xã. | Sở Tài chính | | Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | Thường xuyên |
| | 2.3. Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bảng giá đất, kế hoạch đầu tư các dự án trên địa bàn.<br><br>a) Thực hiện đúng quy định về việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của người dân đối với dự thảo về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương. Tiếp thu đầy đủ, giải trình, xem xét điều chỉnh và thông tin kịp thời để người dân biết về quy hoạch kế hoạch sử dụng đất tại địa phương.<br><br>b) Thực hiện công bố, công khai quy hoạch, kế hoạch sử đất và chi tiết bảng giá đất hiện hành trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trên Trang/cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã. Kịp thời cập nhật, công khai khi có sự điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc bảng giá đất. Công khai kế hoạch đầu tư các dự án trên địa bàn tỉnh và kết quả xử lý các vụ việc qua giám sát ở khu dân cư. | Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Thường xuyên |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | | Đơn vị phối hợp thực hiện | Thời gian thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|
| | c) Thanh tra, kiểm tra để kịp thời, phát hiện, chấn chỉnh việc công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã. | Thanh tra tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường | | Ủy ban nhân dân huyện, thành phố | Định kỳ, đột xuất |
| | d) Thực hiện công khai thông tin về tuyển dụng, tiếp nhận công chức, viên chức trên các phương tiện thông tin đại chúng: Báo in, báo điện tử, báo nói, báo hình; đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng, tiếp nhận đảm bảo đúng quy định hiện hành. | Các cơ quan, đơn vị; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có chỉ tiêu tuyển dụng, tiếp nhận | | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Khi thực hiện quy trình tuyển dụng, tiếp nhận |
| **3** | **Nâng cao trách nhiệm giải trình với người dân** | | | | |
| | 3.1. Nâng cao trách nhiệm giải trình với người dân của chính quyền các cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; thực hiện tốt công tác tiếp công dân; tập trung giải quyết có hiệu quả những kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của công dân; giải quyết kịp thời các vụ việc, mâu thuẫn phát sinh ngay từ cơ sở. | Các cơ quan, đơn vị; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Thường xuyên, định kỳ. |
| | 3.2. Thường xuyên bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ trưởng thôn, tổ trưởng tổ nhân dân, cán bộ Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện các tổ chức đoàn thể, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; củng cố sự tin tưởng, tín nhiệm của người dân đối với cán bộ Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện các tổ chức đoàn thể, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. | Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Hằng năm |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | | Đơn vị phối hợp thực hiện | Thời gian thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|
| | 3.3. Nâng cao hiệu quả hoạt động và vai trò giám sát của Ban Thanh tra nhân dân; các ban giám sát đầu tư cộng đồng. | Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Thường xuyên |
| | 3.4. Đẩy mạnh các hoạt động trợ giúp pháp lý, hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ tư pháp, các quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật tại xã, phường, thị trấn. | Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Thường xuyên |
| **4** | **Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công** | | | | |
| | 4.1. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản có liên quan về phòng, chống tham nhũng bằng nhiều hình thức như: Niêm yết công khai tại nơi giải quyết công việc, trên cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin các cơ quan, đơn vị để người dân biết, thực hiện, giám sát.<br>Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý vi phạm của công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công thuộc lĩnh vực Y tế, Giáo dục, đào tạo, lĩnh vực sự nghiệp công khác. | Các cơ quan, đơn vị; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Thường xuyên |
| | 4.2. Tăng cường các kênh tiếp nhận thông tin, nắm bắt ý kiến, phản ánh, kiến nghị của người dân đối với chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính; công khai số điện thoại, địa chỉ tiếp nhận phản ánh kiến nghị của người dân, tổ chức về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội các cấp và nhân dân trong công tác phòng, chống tham nhũng. | Các cơ quan, đơn vị; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Thường xuyên |
| | 4.3. Cập nhật, công khai đầy đủ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị và tại nơi giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá | Các cơ quan, đơn vị; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Thường xuyên |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | | Đơn vị phối hợp thực hiện | Thời gian thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|
| | nhân tìm hiểu, tra cứu và thực hiện; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. | | | | |
| | 4.4. Nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, đặc biệt thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực cấp giấy phép xây dựng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chính sách xã hội và các thủ tục hành chính cấp xã. | Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Hằng năm |
| | 4.5. Tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác phòng, chống tham nhũng, kiểm tra công vụ, việc giải quyết thủ tục hành chính để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng và xử lý trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị do mình phụ trách. Công khai báo cáo kết quả phòng, chống tham nhũng theo quy định. | Thanh tra tỉnh, Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố | | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Thường xuyên |
| | 4.6. Tiếp tục thực hiện đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng công chức, viên chức, người lao động vào cơ quan hành chính nhà nước. Thực hiện công khai, minh bạch trong tuyển dụng và các công tác khác về quản lý công chức, viên chức; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thi tuyển, thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức. | Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố | | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Thường xuyên |
| **5** | **Tập trung cải cách thủ tục hành chính công** | | | | |
| | 5.1. Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 1728/UBND-NC ngày 25/4/2024 về tăng cường kỷ luật, kỷ cương và nâng cao hiệu quả thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh; nêu cao tinh thần trách nhiệm cá nhân trong xử lý công việc; chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính. | Các cơ quan quản lý Nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Thường xuyên |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | | Đơn vị phối hợp thực hiện | Thời gian thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|
| | 5.2. Thực hiện toàn diện, đồng bộ các giải pháp cải cách thủ tục hành chính hằng năm và giai đoạn theo Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.<br>5.3. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong thực hiện cải cách TTHC; thực hiện rà soát, kiến nghị đơn giản hóa TTHC, phấn đấu mức độ hài lòng của người dân và tổ chức về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90% trở lên; giảm thời gian chờ đợi của người dân tại Bộ phận Một cửa các cấp xuống trung bình còn tối đa 25 phút/01 lần giao dịch.<br>5.4. Công khai đồng bộ, thống nhất trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với Cổng dịch vụ công Quốc gia về kết quả đánh giá Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực hiện trên môi trường điện tử tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tìm hiểu, tra cứu và thực hiện TTHC. | Các cơ quan quản lý Nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Thường xuyên |
| | 5.5. Tiếp tục triển khai thực hiện quy trình tiếp nhận, giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết TTHC. Khắc phục tình trạng giải quyết TTHC quá hạn; thực hiện nghiêm túc việc gửi "Thư xin lỗi" người dân, tổ chức đối với hồ sơ, thủ tục hành chính giải quyết trễ hẹn. | Cơ quan quản lý Nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Thường xuyên |
| | 5.6. Tăng cường kiểm tra thực hiện công tác kiểm soát TTHC của các cơ quan, đơn vị, trọng tâm là các TTHC thuộc lĩnh vực: Đất đai, xây dựng, đầu tư, bảo hiểm,… | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan liên quan | | Các cơ quan, đơn vị; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị | Thường xuyên |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | | Đơn vị phối hợp thực hiện | Thời gian thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | trấn | |
| | 5.7. Bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả các cấp có trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức, kỹ năng giao tiếp tốt, trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ, công vụ; công khai số điện thoại, địa chỉ thư điện tử và có sự phối hợp chặt chẽ trong nội bộ cơ quan, đơn vị, giữa các cấp, các ngành nhằm giải quyết TTHC kịp thời cho người dân, tổ chức. | Các cơ quan quản lý Nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Thường xuyên |
| | 5.8. Khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công, đặc biệt trong lĩnh vực cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp giấy phép xây dựng, dịch vụ hành chính cấp xã, phường, thị trấn để kịp thời chấn chỉnh, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công; gắn kết quả khảo sát sự sát hài lòng của người dân, tổ chức về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước là một trong những tiêu chí để đánh giá, xếp loại hằng năm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả và phục vụ đánh giá, chấm điểm xác định chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố | | Các cơ quan quản lý Nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | Hằng năm |
| **6** | **Cải thiện chất lượng cung ứng dịch vụ công** | | | | |
| | 6.1. Nâng cao hơn nữa chất lượng cung cấp dịch vụ y tế công lập, tăng cường tuyên truyền chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế nhằm nâng cao tỷ lệ người dân có bảo hiểm y tế. Nâng cao chất lượng các bệnh viện đa khoa khu vực, khối khám chữa bệnh thuộc Trung tâm y tế huyện để nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh | Sở Y tế | | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Thường xuyên |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | | Đơn vị phối hợp thực hiện | Thời gian thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|
| | ban đầu cho người dân; đầu tư nâng cấp một số trang thiết bị hiện đại cho các cơ sở khám chữa bệnh để phục vụ công tác khám, chữa bệnh. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và đạo đức công vụ của đội ngũ y, bác sĩ; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý thông tin khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế. | | | | |
| | 6.2. Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục bảo đảm đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ đào tạo, có phẩm chất đạo đức tốt, có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; giữ gìn sự tâm huyết, sự trong sáng trong giáo dục, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các tiêu cực trong thi cử, dạy thêm, học thêm, tuyển dụng biên chế, điều động, bổ nhiệm viên chức của ngành giáo dục,... Tăng cường giáo dục công tác chính trị, tư tưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động để tạo sự đoàn kết, thống nhất trong toàn ngành; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục các cấp thực sự gương mẫu, là tấm gương cho học sinh, sinh viên noi theo. Chủ động, tích cực tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh biện pháp khắc phục tình trạng lớp có sĩ số học sinh vượt quá quy định, đặc biệt tại các trường tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh. | Sở Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố | | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Thường xuyên |
| | 6.3. Tiếp tục cải thiện cơ sở hạ tầng căn bản như: Nâng cấp lưới điện, bê tông hóa đường giao thông nông thôn, xây dựng nhà văn hóa thôn, tổ nhân dân; thực hiện tốt việc cung cấp nước sạch theo Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công Thương; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Thường xuyên |
| | 6.4. Giữ gìn an ninh, trật tự trên địa bàn khu dân cư; tiếp tục thực hiện nghiêm túc các chương trình, mục tiêu quốc gia về phòng, chống tội phạm, phòng, chống ma túy; đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh tổ quốc, xây dựng các tổ tự quản an ninh trật tự khu dân cư. | Công an tỉnh | | Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | Thường xuyên |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | | Đơn vị phối hợp thực hiện | Thời gian thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|
| **7** | **Quản trị môi trường** | | | | |
| | 7.1.Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, cân bằng giữa bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế; nâng cao nhận thức, hiệu quả về công tác bảo vệ môi trường.<br><br>7.2. Thường xuyên tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, thực hiện vệ sinh môi trường, thu gom, xử lý chất thải, rác thải; giải quyết những vấn đề bức xúc về môi trường tại các địa phương; xử lý các điểm tồn đọng rác thải trên địa bàn huyện, thành phố và tại các cơ quan, đơn vị, trường học, cơ sở sản xuất, kinh doanh; khơi thông dòng chảy, nạo vét kênh mương, ao hồ, hệ thống thoát nước; chăm sóc và bảo vệ cây xanh cải thiện môi trường sống,... | Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Thường xuyên |
| | 7.3. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước đối với các hoạt động sản xuất và kinh doanh; tham mưu, đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ môi trường, cải thiện kết quả thực hiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường cho các năm tiếp theo. | Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố | | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Định kỳ, đột xuất |
| **8** | **Quản trị điện tử** | | | | |
| | Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến đến người dân biết và sử dụng các dịch vụ công trực tuyến cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin các cơ quan, đơn vị; nâng cao chất lượng, đổi mới giao diện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh theo hướng thân thiện, dễ tiếp cận; nâng cao chất lượng cung cấp thông tin để tăng số lượng, tỷ lệ người dân khai thác thông | Các cơ quan quản lý Nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố | | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Thường xuyên |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | | Đơn vị phối hợp thực hiện | Thời gian thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|
| | tin hành chính. Tăng cường các phương thức tương tác trực tuyến với người dân thông qua các phương tiện truyền thông ứng dụng công nghệ thông tin. Nâng cao chất lượng phục vụ, tăng cường các tiện ích, tuyên truyền và có các giải pháp hỗ trợ để người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến khi giải quyết thủ tục hành chính". | | | | |